

KẾ HOẠCH

**thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị
“về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững
đất nước trong tình hình mới”**

Thực hiện Chương trình hành động số 71-CTr/TU ngày 24/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới” (sau đây viết tắt là *Chương trình hành động số 71-CTr/TU và Nghị quyết số 36-NQ/TW*), Ban Thường vụ Huyện ủy Vĩnh Linh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Linh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Giúp các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân nắm vững quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 71-CTr/TU.

- Nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 71-CTr/TU đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của huyện; xác định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị trong triển khai ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của huyện, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động số 71-CTr/TU, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Huyện ủy.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng, ban, địa phương trong thực hiện cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của huyện trong tình hình mới; huy động sự vào cuộc của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân tham gia thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II - MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực đặc biệt là ngành nông nghiệp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Phát triển công nghệ sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học thay thế các sản phẩm hóa học trong sản xuất nông nghiệp. Ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học trong bảo quản, sơ chế, chế biến nông sản; qua đó nâng cao 15% giá trị sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ mới, các giải pháp khoa học đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15%, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; ít nhất 70% - 75% mô hình được triển khai trên địa bàn huyện được tiếp tục duy trì và nhân rộng.

- Công nghệ sinh học được ứng dụng hiệu quả trong quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học; tăng dần tỷ lệ các loại chất thải hữu cơ có thể tái chế bằng các biện pháp sinh học đạt trên 20% chất thải phát sinh.

- Kịp thời tiếp cận và ứng dụng các quy trình kỹ thuật, ứng dụng công nghệ sinh học tiên tiến, hiện đại trong y tế.

- Hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học đủ năng lực và làm chủ các quy trình công nghệ sinh học phục vụ đắc lực cho việc phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; sản xuất, kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

2.2. Mục tiêu đến năm 2045

Ứng dụng công nghệ sinh học trở thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng của huyện, phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; phát triển doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Công nghiệp sinh học đóng góp trên 15% GRDP của huyện.

III - NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trong tình hình mới.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn huyện.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, từng ngành, lĩnh vực.

- Cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động số 71-CTr/TU phù hợp, thiết thực và hiệu quả; tạo nhận thức đúng đắn và phong trào mạnh mẽ trong việc ứng dụng công nghệ sinh học vào từng lĩnh vực phù hợp với điều kiện, tiềm năng phát triển của địa phương.

2. Triển khai, áp dụng các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ứng dụng công nghệ sinh học

- Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách và thực hiện có hiệu quả các chính sách trong các lĩnh vực được ưu đãi như thuế, hỗ trợ thuê đất; chỉ đạo các ngân hàng trên địa bàn hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ chuyển giao trang thiết bị tiên tiến áp dụng vào sản xuất nông nghiệp.

- Nghiên cứu triển khai thực hiện các giải pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để khuyến khích phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học, khuyến khích đầu tư, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế- xã hội còn nhiều khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Trong đó, tập trung thực hiện các cơ chế chính sách tạo môi trường thuận lợi thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học và bảo đảm an toàn sinh học.

- Tích cực tham gia nghiên cứu, triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của huyện về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; ưu tiên hỗ trợ ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, xây dựng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, đặc biệt là công nghệ sinh học phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực, ưu tiên của huyện...

- Quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học và bảo đảm an toàn sinh học được tiếp cận các cơ chế chính sách thuận lợi và nhanh nhất. Tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu được tiếp cận với các địa phương nhằm nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng công nghệ sinh học trên phạm vi toàn huyện.

- Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư vào Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ xá, các cụm công nghiệp và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học, với các lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, sản xuất các chế phẩm sinh học có giá trị kinh tế cao phục vụ cho sản xuất nông nghiệp tiến tới xuất khẩu...

3. Tập trung phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống, trong lĩnh vực; từng bước hình thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

3.1. Trong Nông nghiệp

- Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp; phối hợp nghiên cứu tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

- Chủ động tiếp cận các tiến bộ công nghệ gen thế hệ mới trong nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng và cải tiến tính trạng quý trên các loại cây trồng nông lâm nghiệp, tăng tính chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu và có năng suất chất lượng cao.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo trên đàn vật nuôi; nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật mới nhằm nâng cao tỷ lệ thụ thai; đồng thời tiếp tục hỗ trợ công nghệ phối giống tinh phân biệt giới tính, kỹ thuật cấy truyền phôi (phôi thường, phôi phân biệt giới tính) trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt; ứng dụng quy trình sử dụng phôi chất lượng cao. Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và chất cấm trong chăn nuôi.

- Mở rộng và phát triển ngành sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu và dược liệu quy mô lớn, có hàm lượng dược chất cao phục vụ sản xuất các loại thực phẩm chức năng, dược liệu.

- Tiếp cận và ứng dụng công nghệ tạo ra các chế phẩm sinh học, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, vắc xin... tiến tới thay thế dần các sản phẩm nguồn gốc hóa học; từng bước áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi từ khâu con giống, thức ăn đến giết mổ, chế biến, đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Lựa chọn, nuôi các loài thiên địch có ích phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp khép kín nhằm tái sử dụng lại chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi để quay trở lại phục vụ sản xuất nông nghiệp, giảm phát thải; sản xuất phân hữu cơ từ chất thải nông nghiệp; ứng dụng công nghệ sinh học, sử

dụng cây họ đậu để cải tạo đất; thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Tập trung phát triển, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với nông sản của huyện, đảm bảo liên kết, tiêu thụ nông sản.

3.2. Trong Công nghiệp

- Ứng dụng thành tựu của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong công nghiệp sinh học.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến các loại nông sản để giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch; đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông sản quy mô lớn vào địa phương.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzyme, protein để sản xuất, chế biến thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

3.3. Trong Y tế

- Tăng cường tiếp nhận và triển khai ứng dụng các quy trình kỹ thuật hiện đại về công nghệ sinh học để nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh.

- Ứng dụng các sinh phẩm, vắc-xin trong giám sát phát hiện, dự phòng các bệnh dịch lưu hành tại địa phương, các bệnh dịch mới nổi; sử dụng các loại thuốc sinh học trong khám chữa bệnh.

- Phối hợp nghiên cứu, hoàn thiện các quy trình công nghệ chiết xuất, thu nhận các hoạt chất từ các loại cây dược liệu và chế tạo các loại dược phẩm, thực phẩm chức năng vì sức khỏe người tiêu dùng.

3.4. Trong Bảo vệ tài nguyên, môi trường

- Chủ động ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên; góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; phối hợp sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, phát triển công nghệ sinh học; liên kết nâng cao năng lực quản lý công nghệ sinh học trong lĩnh vực môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ sinh học trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư mới; ưu tiên áp dụng các công nghệ xử lý môi trường bằng công nghệ sinh học trong triển khai thực hiện các dự án về bảo vệ môi trường.

4. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ sinh học

- Chủ động phối hợp với tổ chức trong và ngoài huyện mở các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên ngành, lĩnh vực trên địa bàn; có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ, chuyên gia công nghệ sinh học có trình độ cao về công tác, hỗ trợ địa phương trong việc ứng dụng công nghệ sinh học.

- Khuyến khích hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ sinh học vào đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ chế biến và bảo quản nông sản, phát triển bền vững.

- Phối hợp tổ chức các hội thi, hội thảo về ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ sinh học với quy mô lớn, phát huy tính sáng tạo của các tập thể, cá nhân trong việc tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, đặc biệt ứng dụng công nghệ vào sản xuất, chế biến.

- Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách; huy động sự tham gia vào cuộc của các doanh nghiệp, cá nhân trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong lĩnh vực công nghệ sinh học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao các công nghệ sinh học để tiếp nhận, ứng dụng vào thực tiễn tại địa phương.

- Kịp thời thông tin nội dung các thỏa thuận, văn bản ký kết, các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà Việt Nam tham gia để các tổ chức, cá nhân nắm, chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, công nghệ phù hợp.

- Tham gia các hoạt động kết nối, các hội nghị diễn đàn hợp tác về công nghệ sinh học trong và ngoài tỉnh để ứng dụng công nghệ sinh học tại địa phương.

- Thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học; đặc biệt là các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan, ban, ngành từ huyện đến cơ sở khẩn trương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động số 71-CTr/TU và Kế hoạch này cho sát hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị mình (*hoàn thành trong Quý IV/2023*).

2. Các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức cơ sở Đảng, chủ động tham mưu chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên nêu trong Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị mình.

3. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện ủy viên, Bí thư cấp ủy đề cao trách nhiệm cá nhân, đồng thời có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động số 71-CTr/TU và Kế hoạch này ở địa phương, đơn vị được phân công phụ trách.

4. UBND huyện, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy triển khai, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chương trình hành động số 71-CTr/TU và Kế hoạch này; kịp thời phát hiện cách làm hay, nhân tố mới để nhân rộng; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy theo quy định./.

Nơi nhận:

- BTV Tỉnh ủy: (BC),
- HĐND, UBND, UBMT huyện,
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và tương đương,
- Các TCCS đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí HUV,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.



T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ
HUYỆN ỦY
VĨNH LINH
Trần Nhật Quang